|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Lai Châu, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định**

**số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ**

**trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

**KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày .... /01/ 2025 của Ban..... , Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Căn cứ nguồn thu nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa quy định tại Khoản 1 điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa theo quy định tại khoản 1 điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để phân bổ, hỗ trợ các địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 2, điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các đơn vị để thực hiện theo quy định.

b) Việc phân bổ nguồn kinh phí hàng năm cho cấp huyện căn cứ vào diện tích vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và diện tích đất lúa của các địa phương được xác định theo số liệu thống kê đất đai của tỉnh công bố của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025 là số liệu thống kê đất đai của tỉnh Lai Châu công bố của năm 2023.

4. Phạm vi hỗ trợ

Hỗ trợ cho các địa phương sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh; ưu tiên đầu tư, hỗ trợ vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa

- Hỗ trợ theo dự án, mô hình để hỗ trợ giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được các cơ quan có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND).*

*-* Hỗ trợ hoạt động khuyến nông (thông tin tuyên truyền; tư vấn và dịch vụ khuyến nông): Nội dung chi, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4, Điều 2 Nghị quyết số 63/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa gạo: Nội dung, mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa: Hỗ trợ 50% chi phí mua vôi bột, chế phẩm sinh học cải tạo đất, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón hữu cơ vi sinh theo định mức kinh tế- kỹ thuật của cơ quan có thẩm quyền.

c) Hỗ trợ 100% chi phí đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hỗ trợ 100% chi phí sữa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) UBND các huyện, thành phố sử dụng không thấp hơn 50% tổng kinh phí phân bổ để thực hiện hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa.

b) Kinh phí còn lại để thực hiện các hoạt động sau:

- Hỗ trợ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần.

- Sữa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

**Điều 2. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn kinh phí Nhà nước hỗ trợ

a) Nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuế đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Nguồn đối ứng: Do tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình cá nhân sử dụng đất trồng lúa tham gia thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch hỗ trợ đất trồng lúa.

**Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt; trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, mô hình, dự án, kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 4.** **Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày .... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực từ ngày .... tháng 4 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 2 quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính;  - Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;  - TT. Tỉnh uỷ;  - TT. HĐND, UBND, MTTQ tỉnh;  - Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Sở, ban ngành đoàn thể tỉnh;  - TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - Công báo tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Giàng Páo Mỷ** |